

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN CREW LIST

										Vào Arri val		Rời Depar ture	Tr an g số: Pa ge N o.
1.1 Tên tàu: Name of ship				1.2 Số IMO IMO number			1.3 Hô hiệu: Call sign			1.4 Số chuyến đi Voyage number			
2. Cảng vào/rời: Port of arrival/departure				3. Ngày vào/rời: Date of arrival/depart ure			4. Quốc tịch tàu: Flag Stare of ship			5. Cảng rời cuối cùng: Last port of call			
5.1 Số đăng ký hành chính Official number					5.2 Số đăng kiểm Registry number								
6.S TT No .	7. Họ Fa mil y na me	8. Tê n Gi ve n na me	9. C hứ c da nh Ra nk of rat in g	10. Quốc tịch (*) Nation ality	11 . N gà y si nh (*) D at e of bi	12 N ơi si nh (*) Pl ac e of bi rt h	13. Giớ i tính Gen der	14. Loại giấy tờ nhận dạng (Hộ chiếu của thuyền viên/ Số định danh cá nhân) Nature of identity documen t	15. Số giấy tờ nhận dạng Numb er of identit y docu ment	16. Quốc gia cấp giấy tờ nhận dạng Issuing State of identity document	17. Ngày hết hạn của giấy tờ nhận dạng Expiry date of identit y docum ent		

				rt h			(seaman' s passport/ Personal identifica tion number)			

Ghi chú:

Note:

Mục 5.1 và 5.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 5.1 and 5.2: Only for inland waterway ships.

(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.

Only for foreigner.

(18)....., ngày.....tháng.....năm.....

Date

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)